

Số: 1349555

|                                                | Mazda CX-3 1.5L Premium                         | Mazda3 1.5L Deluxe |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 641.000.000đ                                    | 599.000.000đ       |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                                 |                    |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4275 x 1765 x 1535                              | 4660 x 1795 x 1440 |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                            | 2725               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                            | 5300               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 155                                             | 145                |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1276                                            | 1330               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1695                                            | 1780               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 350                                             | 450                |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 48                                              | 51                 |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                               | 5                  |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước   |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                                 |                    |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                                 | Skyactiv-G 1.5L    |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                            | 1496               |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                      | 110 / 6000         |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                      | 146 / 3500         |
| Hộp số                                         | 6AT                                             | 6AT                |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)    |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                              | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                      | Thanh xoắn         |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                             | Đĩa                |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                             | Đĩa                |
| Thông số lốp xe                                | 215/50 R18                                      | 205/60 R16         |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 8.56                                            | 9.35               |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.02                                            | 5.32               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.31                                            | 6.8                |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                               |                    |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                    | Normal/Sport       |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                    |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                                 |                    |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                             | LED                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                               | ●                  |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                               |                    |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                               | ●                  |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                               | Halogen            |
| Đèn sương mù                                   | LED                                             |                    |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                             | LED                |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                               | ●                  |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                               | ●                  |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                                 |                    |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                               | ●                  |

| Chất liệu ghế                                   | Da               | Nỉ               |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                |                  |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | ●                |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 7"               | 8.8              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                |                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 1                |                  |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa            | 8 loa            |
| Lấy chuyển số                                   | ●                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |                  |
| Số túi khí                                      | 6                | 7                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau              |                  |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                |                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                |                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Cruise control   | ●                |
| Camera lùi                                      | ●                | ●                |